TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC B – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2026.
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B – LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đinh Thị Phúc.

- Ông Nguyễn Huy Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Trần Bảo Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực B – Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B – Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực B – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2026/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2026 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đà Kriêng Ra N sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn R, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Kon Sơ Ju L sinh năm 1978; địa chỉ: Số nhà 507, Thôn R, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đà Kriêng Ra N:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Kon Sơ Ju L đăng kết hôn ngày 22/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ). Vợ chồng kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2025 mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông Kon Sơ Ju L thường xuyên nhậu nhẹt, say sỉn về còn

kiếm chuyện đánh đập bà nhiều lần. Vợ chồng bà còn chung sống với nhau nhưng việc ai người đó làm, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Kon Sơ Ju L.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Đà Kriêng Ju K sinh ngày 04/10/2010, Đà Kriêng K'N sinh ngày 26/02/2013. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi 02 con chung đến ngày các con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông Ju L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Kon Sơ Ju L: Ông Kon Sơ Ju L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L không đến Tòa án làm việc, hòa giải, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn ông Kon Sơ Ju L biết. Do ông Kon Sơ Ju L vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B – Lâm Đồng:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ra N, xử cho bà Ra N với ông Kon Sơ Ju L ly hôn; giao các con chung tên Đà Kriêng Ju K, Đà Kriêng K'N cho bà Ra N nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên; về cấp dưỡng ông Kon Sơ Ju L không phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà Ra N với bị đơn ông Ju L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực B – Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Ra N và ông Ju L đăng kết hôn ngày 22/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ). Vợ chồng kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Theo bà Ra N, vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2025 mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông Ju L thường xuyên nhậu nhẹt, say sỉn về còn kiếm chuyện đánh đập bà nhiều lần. Vợ chồng bà còn chung sống với nhau nhưng việc ai người đó làm, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà Ra N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ju L. Ông Ju L không có ý gì về quan hệ hôn nhân với bà Ra N. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Ra N với ông Ju L đã trầm trọng, kéo dài từ năm 2025, theo bà Ra N trình bày thì ông Ju L còn có hành vi đánh đập bà nhiều lần, ông Ju L không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử, có thái độ thờ ơ, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân với bà Ra N nên quan hệ hôn nhân của bà Ra N với ông Ju L là không thể hàn gắn, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của bà Ra N về việc ly hôn với ông Ju L.

- *Về con chung:* Bà Ra N với ông Ju L có 02 con chung tên Đà Kriêng Ju K sinh ngày 04/10/2010, Đà Kriêng K'N sinh ngày 26/02/2013. Bà Ra N yêu cầu được nuôi 02 con chung cho đến ngày các con chung thành niên. Ông Ju L không có ý kiến gì về con chung. Xét thấy, các con chung tên Ju K và K'N, hiện đang sống với bà Ra N với ông Ju L, bà Ra N yêu cầu nuôi con, các con chung tên Ju K và K'N đều có nguyện vọng ở với mẹ, do đó để đảm bảo cho các con chung có cuộc sống ổn định, phát triển mọi mặt về thể chất và tinh thần nên giao các con chung tên Ju K và K'N cho bà Ra N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng:* Bà Ra N không yêu cầu ông Ju L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Ra N và ông Ju L không yêu cầu Tòa án

giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Ra N phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung 2014.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đà Kriêng Ra N, xử cho bà Đà Kriêng Ra N với ông Kon Sơ Ju L ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Đà Kriêng Ju K sinh ngày 04/10/2010 và Đà Kriêng K'N sinh ngày 26/02/2013 cho bà Đà Kriêng Ra N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên.

3. Về cấp dưỡng: Ông Kon Sơ Ju L không phải cấp dưỡng nuôi các con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Buộc bà Đà Kriêng Ra N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình về việc khởi kiện ly hôn. Bà Đà Kriêng Ra N đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007662 ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đà Kriêng Ra N có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Kon Sơ Ju L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực B – Lâm Đồng;
- Phòng THA DS khu vực B – Lâm Đồng;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã P (số 33, Quyển số 01/2013, đăng ký 22/10/2013 - nay là xã Đ);
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phượng Diễm